

Số: **21**/2021/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày **28** tháng 10 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định giá nước sạch sinh hoạt đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1927/TTr-SXD ngày 11 tháng 10 năm 2021, Tờ trình số 2046/TTr-SXD ngày 22 tháng 10 năm 2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định giá nước sạch sinh hoạt đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Hộ gia đình sử dụng nước sạch cho mục đích sinh hoạt.
- b) Đơn vị cấp nước.
- c) Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp; cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và cá nhân khác có liên quan.

**Điều 2. Quy định giá nước sạch sinh hoạt đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**



1. Giá nước sạch sinh hoạt trên địa bàn thành phố Gia Nghĩa do Công ty Cổ phần cấp nước và Phát triển đô thị Đắk Nông cung cấp.

Mục đích sử dụng nước	Mức tiêu thụ/tháng	Giá nước (đ/m <sup>3</sup> )
Sinh hoạt các hộ dân cư	- 10m <sup>3</sup> đầu tiên	10.141
	- Từ trên 10m <sup>3</sup> - 20m <sup>3</sup>	12.677
	- Từ trên 20m <sup>3</sup> - 30m <sup>3</sup>	15.212
	- Trên 30m <sup>3</sup>	16.460
Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp	Theo thực tế sử dụng	13.944
Hoạt động sản xuất vật chất	Theo thực tế sử dụng	15.212
Kinh doanh dịch vụ	Theo thực tế sử dụng	16.460

2. Giá nước sạch sinh hoạt trên địa bàn các huyện: Cư Jút, Krông Nô, Đắk R'lấp, Đắk Glong do Công ty Cổ phần cấp nước và Phát triển đô thị Đắk Nông cung cấp.

Mục đích sử dụng nước	Mức tiêu thụ/tháng	Giá nước (đ/m <sup>3</sup> )
Sinh hoạt các hộ dân cư	- 10m <sup>3</sup> đầu tiên	10.894
	- Từ trên 10m <sup>3</sup> - 20m <sup>3</sup>	13.618
	- Từ trên 20m <sup>3</sup> - 30m <sup>3</sup>	16.341
	- Trên 30m <sup>3</sup>	17.703
Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, phục vụ mục đích công cộng	Theo thực tế sử dụng	15.660
Hoạt động sản xuất vật chất	Theo thực tế sử dụng	17.022
Kinh doanh dịch vụ	Theo thực tế sử dụng	18.384

3. Giá nước sạch sinh hoạt trên địa bàn huyện Đắk Song do Công ty Cổ phần cấp nước và Phát triển đô thị Đắk Nông cung cấp.

Mục đích sử dụng nước	Mức tiêu thụ/tháng	Giá nước (đ/m <sup>3</sup> )
Sinh hoạt các hộ dân cư	- 10m <sup>3</sup> đầu tiên	10.494
	- Từ trên 10m <sup>3</sup> - 20m <sup>3</sup>	13.118
	- Từ trên 20m <sup>3</sup> - 30m <sup>3</sup>	15.741
	- Trên 30m <sup>3</sup>	17.053
Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, phục vụ mục đích công cộng	Theo thực tế sử dụng	14.429
Hoạt động sản xuất vật chất	Theo thực tế sử dụng	15.741
Kinh doanh dịch vụ	Theo thực tế sử dụng	17.053

4. Giá nước sạch sinh hoạt trên địa bàn huyện Đắk Mil do Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng cấp thoát nước Waseco cung cấp.

Mục đích sử dụng nước	Mức tiêu thụ/tháng	Giá nước (đ/m <sup>3</sup> )
Sinh hoạt các hộ dân cư	- 10m <sup>3</sup> đầu tiên	11.424



	- Từ trên 10m <sup>3</sup> - 20m <sup>3</sup>	14.280
	- Từ trên 20m <sup>3</sup> - 30m <sup>3</sup>	17.136
	- Trên 30m <sup>3</sup>	18.564
Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, phục vụ mục đích công cộng	Theo thực tế sử dụng	15.708
Hoạt động sản xuất vật chất	Theo thực tế sử dụng	17.136
Kinh doanh dịch vụ	Theo thực tế sử dụng	18.564

5. Giá nước quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều này đã bao gồm thuế tài nguyên nước 1%. Chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và các loại phí theo quy định của pháp luật.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Đơn vị cấp nước có trách nhiệm thực hiện đúng quy định tại Quyết định này và quy định pháp luật liên quan.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra việc thực hiện quyết định giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt, kiểm tra việc xây dựng, quyết định và thực hiện giá tiêu thụ nước sạch áp dụng cho các đối tượng sử dụng nước tại các địa phương nêu trên.

3. Sở Xây dựng chủ trì xây dựng, điều chỉnh phương án giá nước khi các yếu tố hình thành giá có biến động lớn hoặc việc thay đổi chính sách pháp luật có liên quan làm ảnh hưởng giá nước.

### **Điều 4. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 30 tháng 11 năm 2021 và thay thế: Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh giá nước sạch sinh hoạt tại thị xã Gia Nghĩa (nay là thành phố Gia Nghĩa); Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 10/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt giá nước sạch sinh hoạt tại các huyện Cư Jút, Krông Nô, Đắk R'lấp, Đắk Glong; Quyết định số 407/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt giá nước sạch sinh hoạt trên địa bàn huyện Đắk Song; Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 10/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt giá nước sạch sinh hoạt tại huyện Đắk Mil.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Gia Nghĩa và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Các Bộ: TC; XD; NN&PTNT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Báo Đắk Nông;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, KTN (Tr).



**Lê Văn Chiến**

ĐẮK NÔNG